

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọc.
2. Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đặng Thị T, sinh năm 1987.

2. *Bị đơn:* anh Trần Văn M, sinh năm 1985.

Cùng nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 12

năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi nhau. Hai người đã sống ly thân được bảy năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Giữa chị T và anh M có hai con chưa thành niên tên là Trần Quang K, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và Trần Xuân K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2013. Hiện tại, hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng cho con, chị T có ý kiến đề anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Giữa chị T và anh M không có tài sản và nợ chung.

Đối với bị đơn anh Trần Văn M, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: căn cứ vào các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con Trần Quang K và Trần Xuân K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu về cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị T và anh M kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh chửi nhau và đã sống ly thân nhiều năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, chị Tươi và anh Mùa đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh M là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị T trình bày giữa chị và anh M có hai con chung chưa thành niên tên là Trần Quang K và Trần Xuân K. Sau khi ly hôn, chị có đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh M đến Tòa án làm việc, để thể hiện quan điểm của mình nhưng anh M không đến Tòa án và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, chị T có thu nhập ổn định, hiện tại đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, hai con cũng có lời khai thể hiện mong muốn tiếp tục được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì hai con chung sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày là không có tài sản, nợ chung và không có đề nghị gì; anh M vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Trần Văn M.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Trần Quang K, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và Trần Xuân K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2013 cho đến khi các con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai số: 0004021 ngày 21 tháng 6 năm 2022, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện L;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường